

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 27-7-2020.  
V/v tranh chấp Ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Xuronne;
2. Bà Lê Thị Diễm Huyền.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Trần Văn Luyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Trần Thu H, sinh ngày 01/01/1978.

Địa chỉ: ấp S, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn Thành E, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp S, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trần Thu H trình bày:**

Bà Trần Thu H và ông Nguyễn Văn Thành E chung sống với nhau được cha, mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Số 360/2011, Quyền số 02/2011, ngày 21/12/2011. Quá trình chung sống ông, bà có 01 người con chung tên Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 29/12/2002 hiện đang sống với bà H. Do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không Đ được nên ông, bà đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay.

**Nay bà H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:**

- Về hôn nhân: Yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Thành E, sinh năm 1981.
- Về con chung: Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 29/12/2002 hiện đang sống với bà H. Bà không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn Thành E trình bày:**

Ông thừa nhận lời trình bày của bà Trần Thu H về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà H trình bày là đúng sự thật. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn gia đình chưa trầm trọng, ông không đồng ý ly hôn với bà H. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có yêu cầu phản tố. Nếu bà H kiên quyết xin ly hôn thì về con chung do cháu tự quyết định.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và tư cách của người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông E đã mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H được ly hôn với ông E.

Về con chung: Do con chung là cháu Nguyễn Chí Đ hiện nay đang sống cùng với bà H từ khi vợ chồng ly thân và cháu Đ có nguyện vọng sống với bà H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Đ và ý kiến của Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Kế Sách.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, do bà H không có yêu cầu nên không đặt ra xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về quan hệ hôn nhân:**

Bà H và ông E có đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2011, do bất đồng quan điểm sống, ông E có mối quan hệ với người phụ nữ khác bỏ nhà đi thường xuyên, không quan tâm đến vợ, con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bà H và ông E đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Ông E cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn gia đình chưa trầm trọng, ông không đồng ý ly hôn với bà H. Bà H kiên quyết xin ly hôn.

Theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 08/6/2020: thì nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là do vợ chồng không cùng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng gây

gắt nên đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Xét thấy, mối quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Bởi lẽ, theo lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[2] Về con chung:**

Theo lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 29/12/2002, hiện nay cháu đang sống với bà H từ khi vợ chồng ly thân. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục được nuôi con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng. Bị đơn có ý kiến là do cháu Đ tự quyết định.

Xét thấy, con chung đang được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định từ khi vợ chồng ly thân, đồng thời để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, giao con chung là cháu Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 29/12/2002 hiện đang sống với nguyên đơn cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ. Việc giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng cũng phù hợp với ý kiến của Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Kế Sách tại công văn số: 156/P.LĐTĐBXH ngày 21/7/2020. Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[3] Về tài sản chung:** Do các đương sự tự khai là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

**[4] Về nợ chung:** Do các đương sự tự kh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

**[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**[1] Về quan hệ hôn nhân:** Cho bà Trần Thu H ly hôn ông Nguyễn Văn Thành E.

**[2] Về con chung:** Giao con chung là cháu Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 29/12/2002 hiện đang sống với bà Trần Thu H cho bà Trần Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo quy định của pháp luật, theo nguyện vọng của cháu Đ và ý kiến của Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Kế Sách. Ông Nguyễn Văn Thành E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông Nguyễn Văn Thành E không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Trần Thu H không yêu cầu.

**[3] Về tài sản chung:** Do các đương sự tự khai là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

**[4] Về nợ chung:** Do các đương sự tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

**[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Trần Thu H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Trần Thu H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002692 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách không nộp thêm. Ông Nguyễn Văn Thành E không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đương sự;
- UBND xã Đ, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Bình**